

Số: 1577/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng
Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, quy mô và giai đoạn lập quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa bàn các xã: Phúc Xuân, Phúc Trìu và Tân Cương thuộc thành phố Thái Nguyên, các xã: Tân Thái, Bình Thuận, Lục Ba, Vạn Thọ, Quân Chu và thị trấn Quân Chu thuộc huyện Đại Từ, xã Phúc Tân thuộc thị xã Phổ Yên, được giới hạn như sau:

- Phía Đông: Giáp các xã Thịnh Đức, Quyết Thắng, Phúc Hà (Thành phố Thái Nguyên) và xã Bình Sơn (thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên).

- Phía Tây: Giáp dãy núi Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Phúc) và các xã Cát Né, Kỳ Phú, Văn Yên (huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên).

- Phía Nam: Giáp dãy núi Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Phúc) và xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên).

- Phía Bắc: Giáp các xã An Khánh, Cù Vân, Hà Thượng, Hùng Sơn (huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên).

b) Quy mô nghiên cứu lập quy hoạch: khoảng 19.276 ha.

c) Giai đoạn lập quy hoạch: Đến năm 2030.

2. Quan điểm

Quy hoạch xây dựng Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc gắn với bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị cảnh quan thiên nhiên, môi trường, điều kiện tự nhiên, văn hóa để phát triển du lịch, kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và đảm bảo quốc phòng - an ninh.

3. Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025, định hướng đến 2030. Xây dựng và phát triển Khu du lịch Hồ Núi Cốc đáp ứng các tiêu chí công nhận là Khu du lịch quốc gia trước năm 2025, hướng tới trở thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng lớn của quốc gia với hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại đến năm 2030, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên và vùng trung du miền núi Bắc Bộ.

- Xây dựng và phát triển liên kết về không gian, kết nối hạ tầng khung Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc với định hướng phát triển của tỉnh Thái Nguyên, Vườn quốc gia Tam Đảo và Vùng Thủ đô Hà Nội nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội khu vực Hồ Núi Cốc và các vùng lân cận nói chung, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương.

- Bảo tồn và phát huy được các lợi thế sẵn có của khu vực về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên: Hệ sinh thái rừng phòng hộ, hệ sinh thái hồ, đảo (gồm 89 hòn đảo và diện tích 2.500 ha mặt nước Hồ Núi Cốc), hệ sinh thái vùng trồng chè đặc sản Tân Cương... nhằm khai thác phát triển du lịch một cách hiệu quả và bền vững.

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng và phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc theo quy hoạch và triển khai các quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng tiếp theo.

4. Tính chất

- Là Khu du lịch quốc gia - Trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng sinh thái, bảo tồn, thể thao và vui chơi giải trí cao cấp của tỉnh Thái Nguyên và khu vực miền Bắc.

- Là khu vực bảo tồn sinh quyển, rừng phòng hộ bảo vệ lưu vực chính của sông Công, khu vực trồng chè đặc sản có quy mô lớn tập trung có giá trị kinh tế cao và tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, gìn giữ văn hoá đặc sắc của các nhóm dân tộc vùng lòng hồ.

- Là khu vực có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh.

5. Các yêu cầu về nội dung quy hoạch

a) Phân tích mối quan hệ liên kết vùng:

Nghiên cứu phân tích vai trò và tầm ảnh hưởng của Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc trong các mối quan hệ về du lịch, phát triển kinh tế xã hội trong tỉnh, trong vùng thủ đô Hà Nội, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và đặc biệt xem xét đến vai trò là Khu du lịch trọng điểm của quốc gia.

b) Đánh giá hiện trạng và các dự án:

- Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên, cảnh quan môi trường, hiện trạng kinh tế - xã hội, đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội,...

- Phân tích các đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán các cộng đồng dân cư phục vụ phát triển du lịch.

- Phân tích đánh giá về hiện trạng khai thác du lịch, đánh giá tiềm năng và khả năng khai thác phát triển.

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch, các dự án đã có, đang còn hiệu lực; xác định, làm rõ các định hướng trong quy hoạch ngành có liên quan.

- Đánh giá tổng hợp hiện trạng, xác định các yếu tố hạn chế, thách thức và động lực phát triển du lịch, xác định các vấn đề tồn tại cần giải quyết trong quy hoạch.

c) Dự báo phát triển và xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.

- Dân số: Dự báo quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 55.000 người, đến năm 2030 khoảng 65.000 người;

- Khách du lịch: Dự kiến đến năm 2025 đạt khoảng 2,5 triệu lượt khách/năm, đến năm 2030 đạt khoảng 4,0 triệu lượt khách/năm.

(Các dự báo có thể thay đổi và cụ thể hóa trong quá trình nghiên cứu).

d) Định hướng quy hoạch chung xây dựng khu du lịch đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Nguyên tắc chọn đất:

+ Tập trung bảo vệ và khai thác hiệu quả các khu vực có giá trị cảnh quan tự nhiên (Hồ nước, sông ngòi, núi đồi, rừng,...) và cảnh quan nhân tạo (làng bản, ruộng, sinh thái nông nghiệp,...), văn hoá, nhân văn để khai thác du lịch.

+ Lựa chọn các khu vực có địa hình phù hợp để xây dựng các khu vực khai thác cho du lịch, khu đô thị và dịch vụ.

+ Phát triển không gian đảm bảo cân bằng, hài hòa với cảnh quan tự nhiên, bảo vệ được hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái nông nghiệp, bảo vệ môi trường, đặc biệt là môi trường nước vùng lòng hồ.

- Định hướng phát triển không gian

+ Nghiên cứu tác động của các dự án và hạ tầng quốc gia tác động đến quá trình lập quy hoạch và phát triển để khai thác lợi thế của Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc; đề xuất những điều chỉnh cần thiết về tiếp cận, các chức năng và những nội dung khác liên quan trong quá trình lập quy hoạch;

+ Xác định cấu trúc phát triển xây dựng không gian chung toàn khu, hướng phát triển và nguyên tắc phát triển đối với từng phân khu chức năng; định hướng tổ chức không gian các phân khu chức năng, xác định các không gian trọng tâm điểm nhấn, các không gian đặc thù... phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc đã được phê duyệt và các quy hoạch khác liên quan;

+ Đề xuất các định hướng phát triển không gian; định hướng tổ chức kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, công trình điểm nhấn của khu vực; đề xuất ý tưởng quy hoạch trên cơ sở nghiên cứu yếu tố văn hóa, lịch sử và tập quán địa phương;

+ Định hướng cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng, phát triển du lịch cộng đồng, hệ thống các công trình hạ tầng xã hội trên cơ sở gắn kết và hỗ trợ giữa khu du lịch quốc gia với các khu dân cư, đặc biệt các đô thị quan trọng như thành phố Thái Nguyên, thị trấn Đại Từ huyện Đại Từ, thị xã Phổ Yên, thị trấn Quân Chu;

+ Giải pháp quy hoạch bảo vệ, bảo tồn và phát huy các giá trị của Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc gắn với phát triển kinh tế, khai thác du lịch một cách hợp lý, hài hòa và phát triển bền vững;

+ Nghiên cứu, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển du lịch với các chức năng khác; với bảo vệ môi trường: Hồ nước, rừng phòng hộ, khu bảo tồn vườn quốc gia Tam Đảo,...

+ Kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan: Giữ gìn, phát huy các giá trị đặc trưng về không gian, cảnh quan môi trường tự nhiên và văn hóa kiến trúc truyền thống phù hợp với đặc thù của du lịch miền núi, du lịch hồ, khí hậu, địa hình... Kiến trúc cảnh quan đô thị phải mang đậm bản sắc, văn hóa vùng trung du miền núi phía Bắc phù hợp với phong tục tập quán văn hóa - xã hội, ứng dụng kỹ thuật, vật liệu, công nghệ mới phù hợp. Đề xuất, minh họa hình ảnh không gian chính, giải pháp tổ chức không gian các khu vực trọng điểm và quy định kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan các khu vực.

d) Quy hoạch sử dụng đất:

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất toàn khu du lịch, xác định phạm vi, quy mô sử dụng đất trong khu vực theo từng giai đoạn phát triển, đảm bảo khai thác và sử dụng đất đai hiệu quả, tiết kiệm, linh hoạt.

- Xác định các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đối với các khu chức năng.

- Định hướng sử dụng đất xét đến các giải pháp bảo vệ và khai thác hiệu quả đất các vùng sinh thái rừng, sinh thái nông nghiệp và có các quỹ đất dự trữ cho phát triển.

e) Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường:

Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung và các tuyến liên kết các khu chức năng, liên kết không gian xanh... trên cơ sở mối liên hệ giữa Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc với các điểm du lịch khác trong tỉnh Thái Nguyên và vùng trung du miền núi Bắc Bộ. Cụ thể về:

- Chuẩn bị kỹ thuật

+ Phân tích, đánh giá về địa hình, khoanh định các vùng phát triển, vùng cấm hoặc hạn chế xây dựng.

+ Xác định cao độ nền xây dựng cho các phân khu chức năng; các giải pháp bảo vệ địa hình địa mạo của khu vực, tránh tối đa việc san lấp. Đề xuất các giải pháp kè chắn chống xói lở, xây dựng hệ thống đập, xác định cốt nước phòng hiện tượng thấm nước, có thể dẫn đến nguy cơ vỡ đập.

+ Phân lưu vực tiêu thoát nước chính, hướng thoát nước, vị trí, quy mô công trình tiêu thoát nước. Xác lập khối lượng đào đắp, kè, hệ thống mương công xây dựng.

- Giao thông

Xác định vị trí, quy mô công trình giao thông đầu mối; phân loại, phân cấp và tổ chức mạng lưới giao thông trong khu du lịch quốc gia và kết nối với các tuyến giao thông đối ngoại: Quốc lộ 3, Đường vành đai 5 vùng thủ đô,... trên cơ sở cập nhật các dự án chiến lược và quốc gia; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe, bến cảng; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính và hệ thống hào, tuynel kỹ thuật.

- Cấp nước

Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước, nguồn nước (trữ lượng, chất lượng); định hướng giải pháp bảo vệ nguồn nước, giữ nước mặt Hồ Núi Cốc và các công trình đầu mối cấp nước để phục vụ cấp nước công nghiệp và dân sinh cho thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công, thị xã Phổ Yên, cấp nước tưới tiêu và thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực hạ lưu Sông Công; cấm tuyệt đối các hoạt động ảnh hưởng tới lưu vực và nguồn nước Hồ Núi Cốc.

- Cấp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc:

Tính toán nhu cầu sử dụng điện năng, xác định chỉ tiêu sử dụng điện của các phân khu chức năng; xác định vị trí công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải; tính toán công suất, vị trí bố trí trạm biến áp cho toàn khu; xác định các trạm phân phối, tuyến trung thế và các tuyến hạ thế; thiết kế mạng lưới điện, mạng lưới điện chiếu sáng cho toàn khu. Hệ thống thông tin liên lạc toàn khu.

- Thoát nước thải, thu gom xử lý CTR:

+ Thoát nước thải: Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải toàn khu; thiết kế mạng lưới thoát nước thải; hướng thoát nước thải... cho toàn khu và từng khu chức năng chính; định hướng vị trí, quy mô của các cơ sở xử lý nước thải trong khu du lịch và giải pháp kiểm soát nước thải.

+ Chất thải rắn: Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng chất thải rắn phát sinh theo từng giai đoạn, đưa ra giải pháp thu gom xử lý chất thải cho toàn khu. Xác định vị trí, quy mô cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung.

g) Đánh giá môi trường chiến lược

Xác định vấn đề, hiện trạng môi trường chính; dự báo diễn biến môi trường trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch; đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực và thứ tự ưu tiên thực hiện;

đề xuất các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường; các vấn đề môi trường chiến lược liên quan đến môi trường nước Hồ Núi Cốc, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ rừng phòng hộ, đặc biệt tại các khu vực có giá trị về đa dạng sinh học và bản sắc văn hóa các cộng đồng dân cư.

h) Xác định nguồn lực, chương trình và các dự án ưu tiên đầu tư:

Đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư, sơ bộ nhu cầu vốn và nguồn lực thực hiện: Đề xuất các chương trình dự án ưu tiên đầu tư thực hiện, nguồn vốn đầu tư. Đề xuất lộ trình, phân kỳ thực hiện các dự án đầu tư theo từng giai đoạn. Đề xuất giải pháp huy động nguồn vốn thực hiện dự án.

i) Lập quy định quản lý xây dựng khu du lịch theo đồ án quy hoạch được duyệt. Đề xuất các quy chế kiểm soát phát triển khu du lịch.

k) Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên theo lộ trình ngắn hạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.

6. Yêu cầu về hồ sơ sản phẩm

Thành phần quy cách hồ sơ và nội dung đồ án thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng.

7. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- Cơ quan lập quy hoạch: Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia - Bộ Xây dựng.
- Thời gian lập quy hoạch không quá 12 tháng sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức việc lập, thẩm định Đồ án quy hoạch xây dựng Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc đến năm 2030; bố trí nguồn vốn, phê duyệt tổng dự toán chi phí quy hoạch theo quy định hiện hành.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và các bộ, ngành phối hợp Bộ Xây dựng trong quá trình lập, thẩm định quy hoạch để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong triển khai thực hiện quy hoạch.

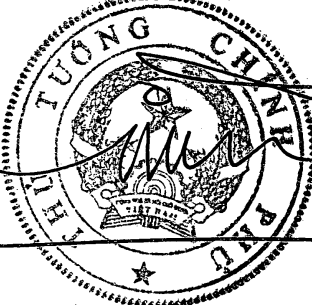
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên,
Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch,
Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải,
Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng,
Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban Dân tộc;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,
các Vụ: TH, NN, KTTH, QHĐP, KGVX, NC;
- Lưu: VT, CN (2). KN *đ*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng